

Quỹ ETF VFCVN DIAMOND  
Được quản lý bởi  
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Việt Cát  
**VFCVN DIAMOND ETF**  
Managed by  
**Vietnam Fortune Fund Management JSC**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc  
**THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**  
Independence – Freedom – Happiness

Số: ~~04~~/CBTT-VFCVND  
No: ~~04~~/CBTT-VFCVND

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2026  
Hanoi, 30<sup>th</sup> March 2026

**CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG**  
**EXTRAORDINARY INFORMATION DISCLOSURE**

**Kính gửi: - Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước**  
**- Sở Giao Dịch Chứng Khoán T.p Hồ Chí Minh**  
**To: - The State Securities Commission**  
**- Ho Chi Minh City Stock Exchange**

1. Tên công ty quản lý quỹ/Name of Fund management company: **CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ VIỆT CÁT/ VIETNAM FORTUNE FUND MANAGEMENT JOINT STOCK COMPANY**

- Tên Quỹ ETF niêm yết/Name of listed fund: **Quỹ ETF VFCVN DIAMOND/ VFCVN DIAMOND ETF**

- Mã chứng khoán/Stock code: **FUETPVND**

- Địa chỉ trụ sở chính/Headquarters' address: **Tầng 11 Tòa nhà Doji Tower, số 5 Lê Duẩn, Phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, thành phố Hà Nội/ 11th Floor, Doji Tower, 5 Le Duan Street, Van Mieu – Quoc Tu Giam Ward, Hanoi.**

- Điện thoại liên hệ/Tel.: **098 360 8667**

- E-mail: **info@vietcat.com** Website: **https://vietcat.com**

2. Nội dung thông tin công bố/Contents of disclosure:

Báo cáo tổng kết hoạt động quản lý Quỹ ETF VFCVN DIAMOND năm 2025/ *Report on Fund management operations of ETF VFCVN DIAMOND Fund (Year 2025).*

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 30/03/2026 tại đường dẫn <https://vietcat.com/cong-bo-thong-tin> /*This information was published on the company's website on 30<sup>th</sup> March 2026, as in the link <https://vietcat.com/cong-bo-thong-tin>*

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố/*We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.*

**Tài liệu đính kèm/Attached documents:**

Báo cáo tổng kết hoạt động quản lý Quỹ ETF VFCVN DIAMOND năm 2025/ *Report on Fund management operations of ETF VFCVN DIAMOND Fund (Year 2025).*

**Đại diện tổ chức**

**Organization representative**

**Người được ủy quyền công bố thông tin**  
**Person authorized to disclose information**



**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
**Võ Anh Tú**

**PHỤ LỤC XXV/ APPENDIX XXV**  
**MẪU BÁO CÁO TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ QUỸ/CÔNG TY ĐẦU TƯ CHỨNG**  
**KHOÁN**

**SAMPLE OF BIENNIAL/ANNUAL REPORT ON MANAGEMENT OPERATIONS OF**  
**FUND/SECURITIES INVESTMENT COMPANY**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*  
*(Enclosed with the Circular No. 98/2020/TT-BTC dated November 16, 2020 of the Minister of Finance)*

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ VIỆT CÁT CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Vietnam Fortune Fund Management JSC**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
**THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**  
*Independence – Freedom - Happiness*

Số/No: 01./2026/BC-VFCVND-TGD

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2026  
Hanoi, 30<sup>th</sup> 03 2026

**BÁO CÁO TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ QUỸ**

*Annual Report on management operation of Fund Management Company*  
*Năm /Year 2025*

*Kính gửi/To : - Ủy Ban Chứng khoán nhà nước / The State Securities Commission of Vietnam (SSC)*  
*- Sở giao dịch chứng khoán TP HCM / Ho Chi Minh City Stock Exchange*

**1. Thông tin về quỹ/ Information about the fund**

a) Tên của quỹ, loại hình quỹ/ Name and type of Fund: **QUỸ ETF VFCVN DIAMOND**

b) Mục tiêu đầu tư của quỹ/ Investment objectives of the fund:

Mục tiêu của Quỹ là mô phỏng gần nhất có thể về biến động (performance) của chỉ số VN-DIAMOND/  
*The primary objective of the Fund is to replicate the performance of VN DIAMOND Index.*

Quỹ ETF VFCVN DIAMOND sử dụng chiến lược đầu tư thụ động để thực hiện mục tiêu đầu tư đã định trước. Khi danh mục chứng khoán của chỉ số tham chiếu có sự thay đổi thì Quỹ ETF VFCVN DIAMOND sẽ thực hiện điều chỉnh danh mục của Quỹ để phù hợp với danh mục của chỉ số tham chiếu về cơ cấu và tỷ trọng tài sản. Quỹ sẽ hướng đến việc có kết quả tương đồng với chỉ số tham chiếu và không thực hiện chiến lược phòng thủ khi thị trường giảm hay hiện thực hóa lợi nhuận khi thị trường được định giá quá cao. Việc đầu tư thụ động nhằm giảm thiểu chi phí và mô phỏng gần hơn chỉ số tham chiếu bằng cách duy trì tỷ lệ vòng quay vốn đầu tư thấp hơn so với các quỹ sử dụng chiến lược đầu tư chủ động./ *VFCVN DIAMOND ETF implements a passive investing strategy to carry out its preset investment objectives. When the underlying securities of Benchmark Index changes, VFCVN DIAMOND ETF shall adjust the Fund's portfolio to make it consistent with the Benchmark Index in terms of structure and weighting of assets. The Fund shall seek for obtaining a result which is similar to the Benchmark Index and shall not implement the defence strategy when the market is going down and shall not take its profits when the market is pricing too high. The passive investing is aimed to reduce the costs and make closer replication of Benchmark Index by keeping the Fund's turnover ratio lower than the turnover ratio of active fund.*

c) Thời hạn hoạt động của quỹ (nếu có)/ *Operating period of the fund (if any)*: Tính từ ngày được UBCKNN cấp giấy thành lập quỹ và không giới hạn về thời hạn hoạt động/ *The Fund has been operating since The State Securities Commission of Vietnam issued the Establishment registration certificate and the Fund has an indefinite life.*

d) Danh mục tham chiếu (nếu có)/ *Benchmark portfolio (if any)*: Danh mục chỉ số VN DIAMOND/ *VN VNDIAMOND Index portfolio*

e) Chính sách phân chia lợi nhuận/ *Profit distribution policies*:

Trong kỳ, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận cho Nhà Đầu Tư.

*During the period, the Fund did not distribute any profits to Investors.*

f) Số lượng đơn vị quỹ đang lưu hành / *The number of outstanding Fund units*:

Tổng số chứng chỉ Quỹ tại ngày thành lập	5.100.000
<i>Number of outstanding Fund units as at establishment date</i>	
Tổng số lượng chứng Quỹ phát hành thêm trong năm	500.000
<i>Number of Fund units issued within the year</i>	
Tổng số lượng chứng Quỹ mua lại trong năm	0
<i>Number of Fund units redeemed within the year</i>	
Tổng số lượng chứng chỉ Quỹ tại ngày 31/12/2025	5.600.000
<i>Number of outstanding Fund units as at December 31, 2025</i>	

g) Nội dung thay đổi tại Điều lệ quỹ/ *Changes to the Fund's Charter*: Không/None

h) Nội dung Nghị quyết Đại hội nhà đầu tư trong kỳ báo cáo/ *Contents of the resolution of the General Meeting of Investors*:

Nghị quyết Đại hội Nhà đầu tư năm 2025 của Quỹ ETF VFCVN DIAMOND ngày 09/07/2025 đã thông qua các nội dung như sau : Thông qua Điều lệ quỹ ETF VFCVN DIAMOND; Chỉ định Công ty Quản lý Quỹ của Quỹ; Chỉ định ngân hàng lưu ký – giám sát; Thông qua việc không tổ chức họp Đại hội Nhà Đầu tư thường niên năm 2025; Thông qua số lượng, thành phần Ban Đại Diện Quỹ; Thông qua nhiệm kỳ Ban đại diện Quỹ; Ủy quyền cho Ban đại diện Quỹ quyết định việc lựa chọn tổ chức kiểm toán được chấp thuận để kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm của Quỹ, doanh nghiệp thẩm định giá độc lập; Ủy quyền cho Ban đại diện Quỹ quyết định phương án phân phối lợi tức hàng năm của Quỹ; Ủy quyền cho Ban đại diện Quỹ quyết định bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch và thành viên Ban đại diện Quỹ; Ủy quyền cho Ban đại diện Quỹ quyết định thông qua các báo cáo về tình hình tài chính, tài sản và hoạt động hàng năm của Quỹ; Ủy quyền cho Ban đại diện Quỹ quyết định điều chỉnh mức Giá dịch vụ quản lý Quỹ trong phạm vi quyền hạn của Đại hội Nhà đầu tư, đảm bảo việc điều chỉnh tuân thủ quy định của Điều lệ Quỹ và pháp luật liên quan; Thông qua việc niêm yết chứng chỉ Quỹ ETF VFCVN DIAMOND tại Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh; Phê duyệt việc Đại hội Nhà đầu tư thường niên của Quỹ được tổ chức bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản, trừ trường hợp bắt buộc phải tổ chức họp trực tiếp, phù hợp với Điều lệ Quỹ và quy định của pháp luật có liên quan. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử Công ty quản

lý Quỹ tại đường dẫn: **Quỹ ETF VFCVN DIAMOND - Biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến NĐT bằng văn bản và Nghị quyết Đại hội Nhà đầu tư năm 2025 (vietcat.com)**

*The Resolution of the Annual General Meeting of Investors year 2025 of the VFCVN DIAMOND ETF (Stock code: FUEVFNND) on July 9, 2025, approving Contents of the VFCVN DIAMOND ETF Fund Charter; Appointment of the Fund Management Company; Appointment of the Custodian and Supervisory Bank; Approval of not holding the 2025 Annual General Meeting of Investors; Approval of the number and composition of the Fund's Board of Representatives; Approval of the term of the Fund's Board of Representatives; Authorization for the Fund's Board of Representatives to decide on the selection of an approved auditing firm to audit the Fund's annual financial statements and an independent valuation firm; Authorization for the Fund's Board of Representatives to decide on the annual profit distribution plan of the Fund; Authorization for the Fund's Board of Representatives to decide on the election, dismissal, and removal of the Chairman and members of the Fund's Board of Representatives; Authorization for the Fund's Board of Representatives to approve the annual reports on the Fund's financial situation, assets, and operations. Authorize the Fund's Board of Representatives to decide on adjustments to the Fund Management Service Fee within the scope of the General Meeting of Investors' authority, ensuring that the adjustments comply with the Fund's Charter and relevant laws; Approve the listing of the VFCVN DIAMOND ETF certificate on the Ho Chi Minh City Stock Exchange; Approve that the Fund's annual General Meeting of Investors be held through written consultation, except in cases where a face-to-face meeting is mandatory, in accordance with the Fund's Charter and relevant laws. Detailed content is published on the website of the fund management company at the link: **Quỹ ETF VFCVN DIAMOND - Biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến NĐT bằng văn bản và Nghị quyết Đại hội Nhà đầu tư năm 2025 (vietcat.com)**.*

- i) Ý kiến nhận xét của ngân hàng giám sát về các nội dung quy định tại Thông tư hướng dẫn về hoạt động và quản lý các quỹ đầu tư chứng khoán/ *Opinions of the supervisory bank about the contents specified in the Circular providing guidance on operations and management of securities investment funds:*

**Công ty quản lý quỹ đã đáp ứng đúng các quy định tại Điều 79 Thông tư 98/2020/TT-BTC hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán/ *The fund management company has complied with the provisions of Article 79 of Circular No. 98/2020/TT-BTC, which provides guidance on the operation and management of securities investment funds.***

**2. Báo cáo về kết quả hoạt động của quỹ/ *Reporting on operations of the Fund***

- a) Thông tin về danh mục đầu tư và giá trị tài sản ròng của quỹ tại thời điểm 31/12 của 3 năm gần nhất / *Information about the investment portfolio and the NAV of the Fund determined at December 31<sup>st</sup> of the latest 3 years*

Danh mục đầu tư được phân bổ theo tài sản như sau/ *the investment portfolio sorted by asset classes:*

<b>Cơ cấu tài sản quỹ/ <i>Fund's assets structure</i></b>	<b>31/12/2025</b>
Danh mục chứng khoán cơ cấu/ <i>Investment portfolio</i>	99,53%

Tài sản khác/ <i>Other assets</i>	0,47%
<b>Cộng/ Total</b>	<b>100,00%</b>

Danh mục đầu tư được phân bổ theo ngành như sau/ *the investment portfolio sorted by sectors:*

<b>Ngành</b>	<b>31/12/2025</b>
Ngân hàng/ <i>Banks</i>	39,12%
Phần mềm & dịch vụ máy tính/ <i>Software &amp; Services</i>	16,19 %
Bán Lẻ/ <i>Retail</i>	25,27%
Bất động sản/ <i>Real estate</i>	7,41%
Vận tải biển & Logistic/ <i>Shipping &amp; Logistics</i>	5,60%
Xây dựng và vật liệu/ <i>Construction and materials</i>	2,98%
Điện/ <i>Electricity</i>	3,43%
Tổng/ <i>Total</i>	100,0%

<b>Chỉ tiêu/ Items</b>	<b>31/12/2025</b>
Giá trị tài sản ròng của Quỹ (VND). <i>Net asset value of the Fund (VND).</i>	65.070.017.350
Tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành (CCQ). <i>Total fund units in circulation (fund unit).</i>	5.600.000
Giá trị tài sản ròng của một đơn vị Chứng chỉ quỹ (CCQ) (VND). <i>Net asset value per fund unit (VND/fund unit).</i>	11.619,64
Giá trị tài sản ròng cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND). <i>The highest net asset value per fund unit during the reporting period (VND/fund unit).</i>	12.252,60
Giá trị tài sản ròng thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND). <i>The lowest net asset value per fund unit during the reporting period (VND/fund unit).</i>	10.934,44
Giá cuối ngày của 1 đơn vị CCQ tại ngày báo cáo (VND). <i>Day-end closing price of a fund unit at the reporting date (VND/fund unit).</i>	11.800,00
Giá cuối ngày cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND). <i>The highest day-end closing price of a fund unit during the reporting period (VND/fund unit).</i>	11.850,00
Giá cuối ngày thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND). <i>The lowest day-end closing price of a fund unit during the reporting period (VND/fund unit).</i>	11.800,00
Tổng tăng trưởng (%)/1 đơn vị CCQ. <i>Total growth rate (%) per fund unit.</i>	N/A

Tăng trưởng vốn (%) / 1 đơn vị CCQ (Thay đổi do biến động giá). <i>Capital growth rate (%) per fund unit (Change due to price fluctuation).</i>	N/A
Tăng trưởng thu nhập (%) / 1 đơn vị CCQ (Tính trên thu nhập đã thực hiện). <i>Income growth rate (%) per fund unit (Based on realised profits).</i>	N/A
Phân phối gộp trên 1 đơn vị CCQ (VND). <i>Gross distribution per fund unit (VND).</i>	Không có/None
Phân phối ròng trên 1 đơn vị CCQ (VND). <i>Net distribution per fund unit (VND).</i>	Không có/None
Ngày chốt quyền (Ex-date of distribution). <i>Ex-date of distribution.</i>	Không có/None
Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ (%). <i>Operating expenses/Average NAV during the period (%).</i>	2,71%
Tốc độ vòng quay danh mục (%). <i>Turnover of investment portfolio (%).</i>	24,02%

- Tổng lợi nhuận của quỹ, nêu chi tiết phần lợi nhuận thu được từ sự tăng trưởng giá chứng khoán (giá trị lãi vốn) và phần lợi nhuận thu được từ lợi tức chứng khoán (cổ tức, trái tức, lãi suất tiền gửi...) (giá trị thu nhập) như sau/ *Total profits of the Fund, including detailed information about profits accrued from the growth in securities price (capital gains) and profits accrued from yields on securities (dividends, coupons, deposit interests, etc.) (income value):*

STT No.	Chỉ tiêu Items	Giá trị Amount (VND)
1	Lợi nhuận thu được từ sự tăng trưởng giá chứng khoán / <i>Profits from the growth in securities price (capital gains)</i>	5.845.122.600
2	Lợi nhuận thu được từ lợi tức chứng khoán (cổ tức, trái tức, lãi suất tiền gửi...)/ <i>Profits accrued from yields on securities (dividends, coupons, deposit interests, etc.)</i>	2.346.223.088
3	Lợi nhuận thu được từ bán cổ phiếu/ <i>Profits from disposal of securities</i>	680.450.000
4	Tổng chi phí/ <i>Total expenses</i>	609.834.538
5	Tổng lợi nhuận/ <i>Total Profits of the Fund</i>	8.261.961.150

- Lợi nhuận đã phân phối trên một đơn vị quỹ (giá trị thuần và giá trị gộp) trong kỳ báo cáo, kể cả trong trường hợp chi trả bằng tiền mặt hoặc chi trả bằng đơn vị quỹ: Không.

*Distributed profits per fund unit (net value and gross value) in the reporting period, including profits distributed in cash or by fund units; Time of profit distribution; NAV per fund unit determined before and after the profit distribution: None.*

Thời điểm phân chia lợi nhuận; Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ trước và sau thời điểm phân chia lợi nhuận: Không.

*Time of profit distribution; NAV per fund unit determined before and after the profit distribution: None.*

b) Chỉ tiêu về lợi nhuận của quỹ/ *Profit indicator of the fund:*

Tổng lợi nhuận bình quân năm của quỹ phát sinh trong kỳ báo cáo xác định:

*Average annual profit of the fund earned during the reporting period shall be determined:*

<b>Tính tới ngày lập báo cáo</b> <i>Up to reporting date</i>	<b>Tổng lợi nhuận bình quân (VND)</b> <i>Average annual Profit (VND)</i>
i) 1 năm hoặc tính từ thời điểm thành lập quỹ tới ngày báo cáo <i>1 year or from the date the fund was established to the reporting date</i>	8.261.961.150
ii) 3 năm/ <i>3 years</i>	Không/ <i>None</i>
iii) 5 năm/ <i>5 years</i>	Không/ <i>None</i>

c) Các chỉ tiêu so sánh khác, bảo đảm tuân thủ nguyên tắc/ *Other comparison criteria which must comply with the following rules:*

- Phương thức, nguyên tắc xác định giá trị tài sản, giá trị lợi nhuận là thống nhất, đã được công bố và được thẩm định bởi một tổ chức độc lập khác: nguyên tắc xác định giá trị tài sản của Quỹ được quy định chi tiết trong Điều lệ Quỹ và sổ tay định giá của Quỹ.

*Methods and rules for determination of value of assets and profits are consistently applied, publicly announced and audited by another independent organization: Methods and rules for determination of value of assets are described in the Fund Charter and Valuation Handbook of the Fund.*

- Dữ liệu được cung cấp bởi một tổ chức độc lập: Bảng báo giá chứng khoán được cung cấp bởi các tổ chức cung cấp báo giá độc lập, uy tín trên thị trường.

*Data and figures are provided by an independent organization: the quotations are provided by independent and reputable providers in the market.*

d) Các thông tin về kết quả hoạt động của quỹ trước đây chỉ mang tính tham khảo và không có nghĩa là việc đầu tư sẽ bảo đảm khả năng sinh lời cho nhà đầu tư.

*The previous information about operating results of the fund is for reference only and does not mean that the investor's profit from investment is guaranteed.*

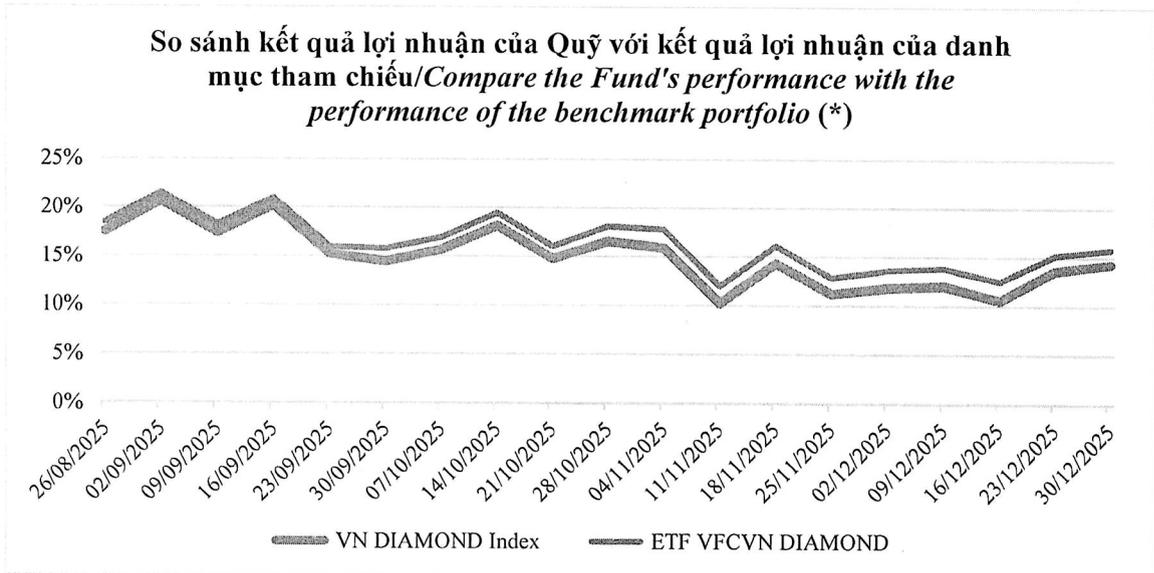
### **3. Báo cáo về hoạt động quản lý tài sản của Công ty quản lý quỹ/ *Reporting on management of assets by the fund management company***

a) Thuyết minh về việc thay đổi Công ty quản lý quỹ (nếu có) / *Explanations about the replacement of the fund management company (if any):* Không/*None*

- b) Thuyết minh về việc quỹ có đạt được mục tiêu đầu tư/ *Explanations about the fulfillment of investment objectives by the fund:*

Mục tiêu của Quỹ là mô phỏng gần nhất kết quả hoạt động và sự biến động của chỉ số VN DIAMOND. Trong kỳ báo cáo, Quỹ đã đạt được mục tiêu đề ra khi mức sai lệch so với chỉ số tham chiếu chỉ ở mức 1,18%/ *The objective of the fund is to replicate the performance of VN DIAMOND. During the reporting period, the fund achieved this objective with tracking error of 1.18% compared to benchmark index.*

- c) So sánh kết quả lợi nhuận của quỹ với kết quả lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở công bố tại Bản cáo bạch trong cùng kỳ báo cáo (bảng đồ thị)/ *Comparison between the profits earned by the fund and the benchmark portfolio's profits, underlying indexes specified in the prospectus of the same reporting period (via graph):*



(\*) Thời điểm mốc so sánh 30/06/2025 (Ngày chốt DMCKCC thực hiện chào bán IPO).

(\*) The benchmark date for comparison is June 30, 2025 (Date of closing the list of securities to be included in the initial public offering).

So sánh kết quả lợi nhuận của quỹ với kết quả lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở công bố tại Bản cáo bạch trong khoảng thời gian năm (05) năm gần nhất, tính tới ngày báo cáo (bảng đồ thị)/ *Comparison between the profits earned by the fund and the benchmark portfolio's profits, underlying indexes specified in the prospectus in the prospectus for the period of 05 recent years, up to the reporting date (via graph):* Quỹ thành lập trong năm 2025 nên kết quả so sánh giống như tại đồ thị bên trên/ *The fund was established in 2025, so the comparison results are similar to those in the graph above.*

- d) Mô tả chiến lược, chiến thuật đầu tư mà quỹ đã sử dụng trong kỳ báo cáo. Trường hợp có sự khác biệt giữa chiến lược, chiến thuật đầu tư thực hiện trong kỳ so với chiến lược, chiến thuật đầu tư đã công bố tại Bản cáo bạch, thì phải bổ sung thuyết minh và đánh giá ưu, nhược điểm của chiến lược,

chiến thuật đầu tư đã thực hiện trong kỳ/ *Description of investment strategies which have been applied by the fund during the reporting period. If the investment strategies applied during the period are different from those specified in the prospectus, explanations about such difference and assessment of advantages and disadvantages of the investment strategies applied during the period shall be provided:*

Quỹ ETF VFCVN DIAMOND sử dụng chiến lược đầu tư thụ động để thực hiện mục tiêu đầu tư đã định trước. Khi danh mục chứng khoán của chỉ số tham chiếu có sự thay đổi thì Quỹ sẽ thực hiện điều chỉnh danh mục để phù hợp với danh mục của chỉ số tham chiếu về cơ cấu và tỷ trọng tài sản. Quỹ sẽ hướng đến việc có kết quả tương đồng với chỉ số tham chiếu và không thực hiện chiến lược phòng thủ khi thị trường giảm hay hiện thực hóa lợi nhuận khi thị trường được định giá quá cao. Việc đầu tư thụ động nhằm giảm thiểu chi phí và mô phỏng gần hơn chỉ số tham chiếu bằng cách duy trì tỷ lệ vòng quay vốn đầu tư thấp hơn so với các quỹ sử dụng chiến lược đầu tư chủ động/ *VFCVN DIAMOND ETF implements a passive investing strategy to carry out its preset investment objectives. When the underlying securities of Benchmark Index changes, VFCVN DIAMOND ETF shall adjust the Fund's portfolio to make it consistent with the Benchmark Index in terms of structure and weighting of assets. The Fund shall seek for obtaining a result which is similar to the Benchmark Index and shall not implement the defence strategy when the market is going down and shall not take its profits when the market is pricing too high. The passive investing is aimed to reduce the costs and make closer replication of Benchmark Index by keeping the Fund's turnover ratio lower than the turnover ratio of active fund.*

- e) Mô tả sự khác biệt về cơ cấu danh mục đầu tư của quỹ tại thời điểm báo cáo, so với danh mục đầu tư của quỹ năm liền kề năm báo cáo/ *Description of the difference between the investment portfolio of the fund at the reporting time and that in the year preceding the reporting year :*

Quỹ ETF VFCVN DIAMOND thành lập ngày 11/08/2025 nên năm 2025 là năm đầu tiên hoạt động, vì vậy không có số liệu danh mục đầu tư năm liền trước. Cơ cấu danh mục chứng khoán của Quỹ tại ngày 31/12/2025 là 99,53%. Với đặc điểm quỹ ETF là quỹ thụ động mô phỏng theo chỉ số nên cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ cũng sẽ mô phỏng sát nhất theo danh mục chỉ số tham chiếu. Sự thay đổi cơ cấu danh mục của Quỹ giữa các thời điểm (nếu có) sẽ theo sự thay đổi cơ cấu tỷ trọng của cổ phiếu hoặc ngành sau các kỳ đánh giá lại danh mục của chỉ số tham chiếu do Sở Giao dịch Chứng khoán TP.Hồ Chí Minh công bố/ *The VFCVN DIAMOND ETF was established on August 11, 2025, making 2025 its first year of operation; therefore, portfolio data for the preceding year is not available. The ETF's securities portfolio structure as of December 31, 2025, is 99.53%. Given that ETFs are passive index-tracking funds, their portfolio structure will closely mirror the benchmark index. Any changes to the ETF's portfolio structure (if any) will follow changes in the weighting of stocks or sectors after the index's portfolio reassessment periods announced by the Ho Chi Minh City Stock Exchange.*

- f) Phân tích kết quả hoạt động của quỹ dựa trên việc so sánh giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ (sau khi đã điều chỉnh phần lợi nhuận đã phân phối, nếu có) tại kỳ báo cáo này so với tại kỳ báo cáo gần nhất / *Analysis on operating results of the fund on the basis of comparison between the NAV per fund unit (after adjustment of the distributed profits, if any) in this reporting period and that in the previous reporting period: Quỹ thành lập trong năm 2025 và đây là báo cáo năm đầu tiên nên chưa có kết quả cuối kỳ trước để so sánh/ The fund was established in 2025, so there are no previous end-of-period results to compare.*
- g) Đánh giá biến động của các thị trường trong kỳ báo cáo, kể cả thị trường nước ngoài, mà quỹ đầu tư vào, thông tin về lợi nhuận đầu tư đối với từng loại tài sản: cổ phiếu, cổ phiếu blue-chip, cổ phiếu các công ty có mức vốn hóa thấp (small- cap)/ *Assessment of the market fluctuations during the reporting period, including foreign markets in which the fund makes investments, and the information about return on investment of each type of assets such as shares, blue-chips, small-cap stocks, etc.*

Thị trường chứng khoán Việt Nam kết thúc năm 2025 với những kết quả đầy ấn tượng khi chỉ số VN-Index đóng cửa tại mức 1.784,49 điểm, tương đương mức tăng 40,87% so với cùng kỳ năm trước (YoY). Mức tăng này không chỉ vượt xa con số 12% của năm 2024 và mức tăng 14,92% của chỉ số Dow Jones, mà còn đưa VN-Index trở thành một trong những thị trường có hiệu suất sinh lời tốt nhất thế giới. Điểm nhấn đáng chú ý trong chu kỳ này là sự phục hồi mạnh mẽ từ "đáy thuế quan" hồi tháng 4 với mức tăng trưởng 66,21% chỉ trong vòng 8 tháng, tuy nhiên, động lực tăng trưởng của chỉ số mang tính cục bộ cao khi đóng đóng góp từ nhóm cổ phiếu Vingroup chiếm tới 395,57 điểm (tương đương 26,24% mức tăng chung), cho thấy sự thiếu lan tỏa đồng thuận trên toàn thị trường/ *The Vietnam stock market concluded the 2025 calendar year with impressive performance as the VN-Index closed at 1,784.49 points, representing a 40.87% year-on-year (YoY) increase. This growth not only significantly outperformed the 12% rise in 2024 and the 14.92% gain of the Dow Jones, but also positioned the VN-Index among the world's top-performing equity markets. A notable highlight of this cycle was the robust recovery from the "tariff bottom" in April, with the index surging 66.21% within just eight months; however, this growth was highly concentrated, as the Vingroup ticker symbols contributed 395.57 points (equivalent to 26.24% of the total gain), indicating a lack of broad-based market breadth.*

Song song với đà tăng điểm, thanh khoản thị trường cũng xác lập kỷ lục trong vòng 4 năm qua với giá trị giao dịch bình quân đạt 28.890 tỷ đồng/phiên, tăng 37% so với năm 2024, trong đó giai đoạn từ tháng 7 đến tháng 9 chứng kiến sự bùng nổ với các phiên giao dịch trên 35.000 tỷ đồng nhờ tâm lý hưng phấn của nhà đầu tư trước sự kiện FTSE Russell chính thức nâng hạng thị trường Việt Nam lên nhóm thị trường mới nổi vào đầu tháng 10/ *Parallel to the index's ascent, market liquidity reached a four-year high with an average daily trading value of 28,890 billion VND, a 37% increase compared to 2024. This included a surge between July and September, where daily turnover*

frequently exceeded 35,000 billion VND, driven by investor optimism following FTSE Russell's decision to upgrade Vietnam from a Frontier to an Emerging Market in early October.

Trái ngược với sự sôi động của dòng vốn nội, khối ngoại đã thực hiện bán ròng kỷ lục với tổng giá trị lũy kế hơn 135.000 tỷ đồng, đánh dấu năm bán ròng thứ 3 liên tiếp do tác động kép từ việc đồng VND mất giá 3,2% so với USD và xu hướng dịch chuyển dòng vốn toàn cầu sang các thị trường phát triển như Mỹ, Trung Quốc và Nhật Bản để tìm kiếm tính thanh khoản trước các biến động địa chính trị/ *Conversely, contrasting with the domestic momentum, foreign investors recorded a historic net selling streak totaling over 135,000 billion VND, marking the third consecutive year of net outflows. This trend was primarily attributed to the dual impact of a 3.2% depreciation of the VND against the USD—despite a nearly 10% decline in the DXY index—and a global capital shift toward developed markets such as the US, China, and Japan as funds prioritized liquidity amidst geopolitical uncertainties.*

Mặc dù hệ số P/E của VN-Index vào cuối năm đạt mức 17,3 – cao nhất trong 3 năm trở lại đây và chịu ảnh hưởng đáng kể bởi định giá của nhóm Vingroup – nhưng nhìn chung mặt bằng này vẫn được đánh giá là tương đối hấp dẫn khi xấp xỉ ngưỡng trung bình dài hạn và thấp hơn nhiều so với giai đoạn 2021–2022. Với nền tảng lợi nhuận của các doanh nghiệp niêm yết bứt phá mạnh mẽ từ mức 8% (năm 2024) lên khoảng 30–33% trong năm 2025, thị trường chứng khoán Việt Nam vẫn duy trì triển vọng khả quan và sức cạnh tranh lớn so với các quốc gia trong khu vực cho giai đoạn tiếp theo/ *Although the VN-Index's P/E ratio reached 17.3 by year-end—the highest in three years and skewed by the valuation of the Vingroup ecosystem—this level is generally considered reasonable as it remains near the long-term historical average (17x) and substantially lower than the 2021–2022 bubble period. With corporate earnings growth accelerating from 8% in 2024 to an estimated 30–33% in 2025, the Vietnamese stock market maintains a favorable outlook and remains highly competitive compared to its regional peers for the coming period.*

- h) Thông tin về việc chia, tách đơn vị quỹ trong kỳ (nếu có); ảnh hưởng của việc chia tách đơn vị quỹ và giá trị tài sản ròng trên từng đơn vị quỹ (trước và sau khi chia, tách)/ *Information about full/partial division of a fund unit in the period (if any); impacts of such division and NAV per fund unit (after the division): Không/ None.*
- i) Các trường hợp có ảnh hưởng tới quyền lợi của nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ/ *Cases in which rights and benefits of holders of fund certificates are influenced: Không/ None.*
- j) Thông tin về các giao dịch với người có quyền lợi liên quan (nếu có)/ *Information about transactions made with individuals who have related rights and benefits (if any): Không/ None.*

<b>Nội dung giao dịch</b> <i>Transaction details</i>	<b>Mối quan hệ với Quỹ</b> <i>Relationship with the Fund</i>	<b>Giá trị giao dịch trong kỳ</b> <i>Amount (VND)</i>
---	---	--

<b>Phí dịch vụ quản lý, giám sát, quản trị, xử lý hồ sơ và lưu ký quỹ/ Service Fees for Fund Management, Supervision, Administration, Documentation Processing and Custody</b>		<b>355.624.674</b>
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Việt Cát/ <i>Vietnam Fortune Fund Management Joint Stock Company</i>	Công ty Quản lý Quỹ/ <i>Fund Management Company</i>	155.731.690
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành/ <i>Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam - Ha Thanh Branch</i>	Ngân hàng giám sát/ <i>Supervisory Bank</i>	199.892.984
<b>Mua, bán, hoán đổi CCQ/ Buy, sell, exchange fund certificates</b>		<b>56.797.876.180</b>
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Việt Cát/ <i>Vietnam Fortune Fund Management Joint Stock Company</i>	Công ty Quản lý Quỹ/ <i>Fund Management Company</i>	53.797.876.180
Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV/ <i>BIDV Securities Joint Stock Company</i>	Thành viên lập quỹ/ <i>Authorized Participant</i>	1.000.000.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình/ <i>An Binh Securities Joint Stock Company</i>	Thành viên lập quỹ/ <i>Authorized Participant</i>	1.000.000.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong/ <i>Tien Phong Securities Corporation</i>	Thành viên lập quỹ/ <i>Authorized Participant</i>	1.000.000.000
<b>Thù lao Ban đại diện Quỹ/ Remuneration for the Fund's Representative Board</b>		<b>51.451.613</b>
Ban đại diện Quỹ/ <i>Fund's Representative Board</i>	Ban đại diện Quỹ/ <i>Fund's Representative Board</i>	51.451.613
<b>Lãi tiền gửi/ Interest on deposits</b>		<b>3.159.688</b>

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành/ <i>Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam - Ha Thanh Branch</i>	Ngân hàng giám sát/ <i>Supervisory Bank</i>	3.159.688
---	---	-----------

k) Các thông tin khác (nếu có)/ *Other information (if any): Không/None*

**4. Báo cáo về hoạt động giám sát của Ngân hàng giám sát/ *Reporting on operations of the supervisory bank***

Ý kiến của Ngân hàng Giám sát về sự tuân thủ quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch của Công ty quản lý quỹ trong quá trình vận hành và quản lý Quỹ đối với các nội dung sau/ *The Custodian Bank's assessment of compliance with legal regulations, the Fund's Charter, and the Prospectus by the Fund Management Company during the operation and management of the Fund is as follows:*

a) Thuyết minh về việc thay đổi ngân hàng giám sát (nếu có)/ *Explanation regarding any changes in the Custodian Bank (if applicable):*

Không có/ *None.*

b) Việc lưu ký tài sản của quỹ/ *Custody of the Fund's Assets:*

Việc lưu ký tài sản của Quỹ đã tuân thủ theo quy định pháp luật chứng khoán hiện hành về quỹ hoán đổi danh mục, Điều lệ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật có liên quan.

*The custody of Fund's asset complies with prevailing securities regulations on exchange traded funds, the Charter, Prospectus of the Fund and other relevant legal documents.*

c) Việc đầu tư tuân thủ các hạn chế về đầu tư, hạn chế về vay theo quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch/ *Compliance with investment restrictions and borrowing limits as per legal regulations, the Fund's Charter, and the Prospectus:*

Công ty Cổ phần quản lý quỹ Việt Cát và Ngân hàng giám sát đã tuân thủ các giới hạn về hạn mức đầu tư được quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về quỹ ETF, Bản cáo bạch của Quỹ và văn bản pháp luật liên quan.

*Viet Nam Fortune Fund Management Joint Stock Company and Supervisory Bank comply with the investment limits prescribed in the current legal documents on exchange traded funds, the Charter and Prospectus of the Fund and other relevant legal documents.*

d) Việc xác định giá trị tài sản ròng theo quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch/ *Determination of the Fund's Net Asset Value (NAV) in accordance with legal regulations, the Fund's Charter, and the Prospectus:*

Việc định giá, đánh giá tài sản của Quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.

The valuation and assessment of the Fund's assets is in line with the Charter, Prospectus of the Fund and other relevant legal documents.

- e) Việc phát hành bổ sung chứng chỉ quỹ/ mua lại chứng chỉ quỹ theo quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch/ *Issuance and redemption of fund certificates in accordance with legal regulations, the Fund's Charter, and the Prospectus:*

Trong năm, Quỹ đã thực hiện việc phát hành thêm và hoán đổi chứng chỉ quỹ tuân thủ theo quy định pháp luật liên quan hiện hành, quy định tại Điều lệ quỹ và Bản cáo bạch của Quỹ.

*During the year, the subscription and exchange trade of Fund units complies with prevailing securities regulations on exchange traded funds, the Charter and Prospectus of the Fund.*

- f) Việc phân chia lợi nhuận của quỹ là phù hợp với mục tiêu đầu tư của quỹ/ *Profit distribution in alignment with the Fund's investment objectives:*

Trong năm, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận.

*During the year, the Fund did not distribute profit to the investors.*

- g) Hoạt động khác/ *Other operations:*

Không có/ *None.*

#### 5. Báo cáo về hoạt động ủy quyền/ *Reporting on authorized activities*

- a) Chi phí phải trả cho bên nhận ủy quyền so với lợi nhuận, thu nhập, tổng chi phí hoạt động của quỹ/ *Payments made to the authorized parties, compared with profits, incomes and total operating expenses of the fund:*

<b>Chỉ tiêu Items</b>	<b>Tỷ lệ so với lợi nhuận Compared with profits</b>	<b>Tỷ lệ so với chi phí hoạt động Compared with total operation expense</b>	<b>Tỷ lệ so với thu nhập Compared with Incomes</b>
Chi phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng <i>Transfer Agent Fee</i>	0,41%	5,59%	1,13%
Chi phí dịch vụ Quản trị quỹ <i>Fund Administrative Fee</i>	0,93%	12,66%	2,55%

- b) Các ảnh hưởng (nếu có) của hoạt động ủy quyền tới lợi nhuận, mức độ rủi ro của quỹ/ *The impact (if any) of the delegation activity on the fund's profitability and risk level: Không/None*

- c) Tổng chi phí các hoạt động ủy quyền phải trả cho bên nhận ủy quyền/ *Total costs for performing authorized activities paid to the authorized party:*

<b>STT No.</b>	<b>Chỉ tiêu Items</b>	<b>Giá trị Amount (VND)</b>
1	Chi phí dịch vụ Đại lý chuyển nhượng <i>Transfer Agent Fee</i>	34.100.000
2	Chi phí dịch vụ Quản trị quỹ <i>Total costs for performing authorized activities paid</i>	77.177.419

- d) Đánh giá khả năng duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, tính bảo mật, hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật, hệ thống dự phòng nóng, hệ thống dự phòng thảm họa... của bên nhận ủy quyền, bảo

đảm hoạt động ủy quyền được thực hiện thông suốt, không gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của nhà đầu tư/ *Assessment of the maintenance of the internal control system, risk management system, information confidentiality, technical facilities, hot stand-by system, disaster recovery system, etc. of the authorized party, which must ensure that the authorized activities will be thoroughly performed, and will not cause adverse influence on investors*: Các bên nhận ủy quyền là các đơn vị có uy tín, kinh nghiệm trên thị trường; có hệ thống phần mềm, hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật đảm bảo theo quy định; có các phòng, bộ phận chức năng được thiết lập độc lập và hoạt động độc lập, tính bảo mật cao/ *Authorized parties are reputable entities with experience in the market; possessing software systems, internal control systems, risk management systems, and technical infrastructure that meet regulations; and having independently established and operating functional departments with high confidentiality.*

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu VP.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Việt Cát



**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
*Võ Anh Tú*